

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: D14 -D6 Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Đường số 3 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 đồng (Một trăm linh hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tương đương 10.219.484 cổ phần.

Các công ty con:

Tên đơn vị

- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông công nghệ giáo dục

Địa chỉ

Căn hộ P.302, mảnh 2, Khu nhà ở bán cho Cán bộ chiến sỹ Báo An Ninh Thủ đô, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Thông tin về các công ty con: xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 01 năm 2012, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); dịch vụ hỗ trợ
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính.

2.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro.

2.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng hàng gửi bán được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
▪ Phần mềm quản lý	10 năm

2.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.9 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 . TIỀN

	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Tiền mặt	202,385,857	380,636,170
Tiền gửi ngân hàng	7,338,227,154	3,063,237,602
Các khoản tương đương tiền	31,000,000,000	58,910,000,000
(Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)		
Cộng	38,540,613,011	62,353,873,772

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

31/12/2013	1/1/2013
VND	VND

Đầu tư ngắn hạn khác	12,810,459,026	8,505,184,245
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn "1"	-	290,627,857
Cộng	12,810,459,026	8,795,812,102

- "1" Là khoản đầu tư chứng khoán EFI với số lượng tại thời điểm 31/12/2013.
- Cho Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng vay vốn số 01-2009/NXBGDVN-TH ngày 26/2/2010 với lãi suất cho vay là 9%/năm. Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 31/12/2013 là 4.705.184.245 đ.
- Cho Công ty CP Sách Dân Tộc vay theo hợp đồng vay vốn số 01-2009/NXBGDVN-TH ngày 26/2/2010 với lãi suất cho vay là 13%/năm. Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 31/12/2013 là 2.000.000.000 đ.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 08052013/MSB-SACHGD ngày 08/05/2013 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Long Biên với lãi suất 7%/năm số tiền là 4.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02.07102013/MSB-SACHGD ngày 07/10/2013 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Long Biên với lãi suất 7%/năm số tiền là 10.000.000.000 đồng.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	1/1/2013 VND
Phải thu tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại Xã Tiên Dương Đông Anh, Hà Nội	2,240,500,000	1,915,500,000
Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung Tâm XBán- P/hành SGK	200,000,000	200,000,000
Phải thu tiền đã bán cổ phiếu quỹ chờ về TK		949,477,240
Dự thu lãi cho vay, các khoản đầu tư	815,515,888	1,232,575,570
Phải thu khác	167,810,546	134,560,528
Cộng	3,423,826,434	4,432,113,338

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	1/1/2013 VND
Hàng mua đang đi đường		-
Nguyên liệu, vật liệu	145,513,037	13,717,680,570
Công cụ, dụng cụ		-
Vật tư giao in gia công	15,829,705,779	7,291,513,439
Thành phẩm	12,648,305,567	12,886,758,948
Hàng hóa	3,298,326,837	4,165,933,298
Hàng gửi đi bán	2,184,167,914	1,154,271,052
Hàng hóa kho bảo thuế		-
Hàng hóa bất động sản		-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2,158,226,137)	(2,433,116,426)
	31,947,792,997	36,783,040,881

Trong đó:

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	62,632,856	2,324,544,145	554,123,983	2,941,300,984
Số tăng trong kỳ	-	-	-	60,536,364	60,536,364

Số giảm trong kỳ	-	62,632,856	-	106,007,581	168,640,437
Số dư cuối kỳ	-	-	2,324,544,145	508,652,766	2,833,196,911
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	36,372,609	1,739,544,593	471,269,746	2,247,186,948
Số tăng trong kỳ	-	-	308,111,208	19,008,079	327,119,287
- Khấu hao trong kỳ			308,111,208	19,008,079	327,119,287
- Tăng khác					-
Số giảm trong kỳ	-	36,372,609		207,887,243	244,259,852
Số dư cuối kỳ	-	-	2,047,655,801	282,390,582	2,330,046,383
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	26,260,247	584,999,552	82,854,237	694,114,036
Tại ngày cuối kỳ	-	-	276,888,344	226,262,184	503,150,528

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ		-	-	101,800,000	101,800,000
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	101,800,000	101,800,000
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ		-	-	70,124,996	70,124,996
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ		-	-	-	-
- Tăng khác					-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	70,124,996	70,124,996
Số dư cuối kỳ	-	-	-	70,124,996	-
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	31,675,004	31,675,004
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	31,675,004	-

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	1,100,000,000	3,080,000,000
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng		1,980,000,000
- Công ty ĐT & PT Trường CNGD	1,100,000,000	1,100,000,000
Đầu tư cổ phiếu dài hạn khác	930,000,000	750,000,000
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	750,000,000	750,000,000
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	180,000,000	
Đầu tư dài hạn khác (2)	14,401,000,000	
	16,431,000,000	3,830,000,000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường PTCN Giáo dục	Hà Nội	100%	65%	Kinh doanh sách và TB trường học
- Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2013, Công ty có giao dịch mua bán sách với Công ty ĐT & PT Trường PTCN là 9.900.400đ.				
- Trong năm Công ty đã bán 100.000 cổ phiếu (50% vốn điều lệ) tại Công ty CP sách và thiết bị trường học Cao Bằng theo Nghị quyết 03/HĐQT-SGDHN.				
- (2) Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2013 ngày 08/05/2013 để kinh doanh với lợi tức đầu tư là 6.5%/năm.Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 31/12/2013 là 14.401.000.000 đ.				

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Chi phí bản thảo	3,064,609,932	4,030,051,121
Chi phí thuê kho tại KCN Nam Thăng Long	3,596,590,910	4,005,681,818
Chi phí thuê các Cửa hàng	143,818,183	
Chi phí sửa chữa, cải tạo CH	555,926,156	
Chi phí trả trước dài hạn khác	449,516,743	
Cộng	7,810,461,924	8,035,732,939

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	94,017,657	137,317,411
Thuế tiêu thụ đặc biệt		-
Thuế xuất, nhập khẩu		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	257,726,667	-
Thuế thu nhập cá nhân	130,095,928	138,905,411
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-
Cộng	481,840,252	276,222,822

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Chi phí thưởng doanh số và hoa hồng môi giới	503,854,598	1,124,544,150
Chi phí bản thảo và phí phát hành	365,834,800	139,857,582
Chi phí phải trả sách liên kết	-	-
Chi phí phải trả khác	447,416,011	87,463,930
	1,317,105,409	1,351,865,662

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	85,537,387	85,659,785
Bảo hiểm xã hội	50,045,716	-
Bảo hiểm y tế	9,085,010	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4,170,599	-
Cổ tức chưa chia	36,479,600	16,484,600
Phải trả TK Ký quỹ tại Cty CP CK VnDirect	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	147,256,934	109,067,165
Cộng	332,575,246	211,211,550

14 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Ký quỹ của các đại lý	46,000,000	46,000,000
	46,000,000	46,000,000

Đơn vị tính: VND

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ hoạt động từ 01/10/2013 đến 31/12/2013	Kỳ hoạt động từ 01/10/2012 đến 31/12/2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	26,982,097,438	33,793,000,917
Cộng	26,982,097,438	33,793,000,917

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ hoạt động từ 01/10/2013 đến 31/12/2013	Kỳ hoạt động từ 01/10/2012 đến 31/12/2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	23,202,425,773	30,277,951,583
Cộng	23,202,425,773	30,277,951,583

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/10/2012 đến 31/12/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,431,915,877	2,516,667,107
Lãi đầu tư cổ phiếu	25,787,282	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	330,000,000	-
Doanh thu hoạt động TC khác		-
Cộng	1,787,703,159	2,516,667,107

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/10/2012 đến 31/12/2012 VND
Lãi tiền vay	-	-
Chi phí tài chính khác	-	947,003,796
Cộng	-	947,003,796

19 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ hoạt động từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/10/2012 đến 31/12/2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63,420,229	64,583,508
Thuế TNDN hiện hành	257,726,667	117,621,649

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2014

Người lập biểu

Trưởng Phòng Kế toán

Giám đốc

Phạm Thị Hạnh

Vũ Thị Minh Nguyệt

Cần Hữu Hải